

SỰ TƯƠNG TÁC THỂ LOẠI TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN TUÂN

TRƯƠNG HOÀNG VINH*

TÓM TẮT

Truyện ngắn là một bộ phận quan trọng trong văn nghiệp của Nguyễn Tuân. Khảo sát từ góc nhìn tương tác thể loại, chúng tôi nhận thấy, truyện ngắn Nguyễn Tuân là một chỉnh thể nghệ thuật hết sức năng động. Trong từng tác phẩm ở thể này luôn có hiện tượng đối thoại giữa các yếu tố “cộng cư” với thể loại “chủ âm”, tạo nên những “âm vang cộng hưởng”; tác phẩm, vì vậy, hết sức đa thanh với kết cấu mở, luôn “vẫy gọi” sự đồng sáng tạo của người đọc.

Từ khóa: truyện ngắn, truyện ngắn Nguyễn Tuân, tương tác thể loại.

ABSTRACT

The interaction of literary genres in Nguyen Tuan's short stories

Short stories are an important part in the writing career of Nguyen Tuan. From the interaction literary genres, we found that Nguyen Tuan's short stories are dynamic art bodies. In each work, there is always a phenomenon of dialogue between the “tool elements” and “mainstream” category, creating “ring resonances”; works, therefore, are multi-bars with open structures, and always call the co-creator of readers.

Keywords: short stories, Nguyen Tuan's short stories, interaction of literary genres.

1. Đặt vấn đề

Không chỉ được biết đến như một cây bút hàng đầu với thể tài tùy bút, Nguyễn Tuân còn đồng thời khẳng định vị trí vững vàng của mình ở địa hạt truyện ngắn. Ngay từ khi *Vang bóng một thời* - tập truyện đầu tay của nhà văn - ra đời, Nguyễn Tuân đã lập tức tạo được chỗ đứng cho mình trên văn đàn. Là người quan niệm nghệ thuật là sự sáng tạo - sáng tạo những cái mới mẻ, độc đáo, Nguyễn Tuân có cách kiến tạo riêng cho những đứa con tinh thần của mình ở thể tài này. Không đậm chất trữ tình như truyện ngắn Thạch Lam, cũng không giàu kịch tính như trong các sáng tác của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng,

truyện ngắn Nguyễn Tuân trước hết, mang đậm dấu ấn của tùy bút; bên cạnh đó, chúng còn có biểu hiện dung nạp cả đặc trưng của thể kí sự, thơ ca. Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi không có tham vọng kiến giải toàn vẹn đặc điểm thẩm mỹ truyện ngắn Nguyễn Tuân, mà chỉ mong muốn từ góc nhìn tương tác thể loại, chỉ ra một số nét đặc sắc nghệ thuật làm nên giá trị các sáng tác của nhà văn ở thể tài này.

2. Sự tương tác thể loại trong truyện ngắn Nguyễn Tuân

2.1. Chất tùy bút trong truyện ngắn Nguyễn Tuân

Truyện ngắn Nguyễn Tuân mang đậm dấu ấn của tùy bút. Cội nguồn sâu xa

* ThS, Trường Đại học Tiền Giang; Email: hoangvinhsp@yahoo.com

của hiện tượng này có lẽ xuất phát từ chính cái “tặng” của nhà văn – “cái tặng con người cần được bộc lộ, khẳng định bản thân; cái nhu cầu bao giờ cũng muốn nói lên cảm nghĩ, thẩm định của mình (...), được chia sẻ, trình bày những điều tích lũy bác cổ thông kim của mình” [4, tr.35]. Đọc truyện ngắn Nguyễn Tuân, có thể thấy rõ sự chi phối của đặc trưng tùy bút, trước hết là ở bình diện giọng điệu. Gọi là truyện ngắn, và hầu hết đều được kể ở ngôi ba, nhưng có thể nói, hiếm khi trong các sáng tác của ông chỉ có duy nhất một giọng tự sự khách quan, mà kèm theo đó, *giọng bình luận, suy cảm, triết lí luôn vang lên ở hầu khắp các sáng tác*. Dường như ở truyện ngắn nào tác giả cũng có *xen vào những cảm nhận, những suy ngẫm của mình về con người và cuộc đời*. Những cảm nghiệm mà nói như Trương Chính “đáng lẽ ta cũng có, nhưng vì thiếu đào sâu ta chưa có được”, và nhờ vậy “đọc ông tâm hồn ta như phong phú thêm lên” [2, tr.55]. Chẳng hạn, viết về cuộc sống của những bậc trí thức danh gia vọng tộc, Nguyễn Tuân cho họ là những nhà nho “chọn nhầm thế kỉ với hai bàn tay không có lợi khí mới”, và theo nhà văn thì: “Người mệt mỏi còn sống thêm một ngày là càng chỉ thêm một ngày bỡ ngỡ với phong hội mới” (*Khoa thi cuối cùng*). Nói về cái đẹp, ông cũng có những cảm nhận rất riêng, với một giọng văn già dặn, từng trải: “Cái gì đẹp quá thì lại chóng tàn. Trong cái phút giây chớp mắt của mùa lên đường, cánh bích đào ngày này năm này đã có đủ cái nhợt phai của đào năm trước” (*Cái cà vạt đen*).

Ở mức độ nhất định có thể nói, *cách phô bày xúc cảm trực tiếp như thể tuy có tạo được nhiều sự đồng cảm ở người đọc, song cũng dễ làm cho độc giả không khỏi có cảm giác như đang đọc tùy bút hơn là truyện ngắn*. Tình hình cũng tương tự như vậy ở các truyện vừa và tiểu thuyết của nhà văn này. Nhà nghiên cứu Tôn Thảo Miên nhận thấy *Thiếu quê hương* của Nguyễn Tuân là một “tiểu thuyết đậm chất tùy bút”: “Hơn 500 trang tiểu thuyết đậm chất tùy bút, ở đó giải bày một tâm trạng, một triết lí sống và một lối viết tài hoa chỉ có ở Nguyễn Tuân” [8, tr.15]. Tác giả Nam Mộc, trong một bài viết của mình, còn chỉ rõ: “Trước Cách mạng, bên cạnh những tùy bút, Nguyễn Tuân cũng đã có thử viết truyện dài, truyện ngắn (như *Thiếu quê hương, Nhà bác Nguyễn*). Nhưng (...) tiểu thuyết của anh vẫn mang nặng tính chất tùy bút: nhân vật không rõ nét, nhà văn luôn luôn xen vào để phát biểu cảm nghĩ cá nhân” [9, tr.302].

Xét về đặc điểm kết cấu, nhiều truyện ngắn của Nguyễn Tuân còn cho thấy rõ khuynh hướng: *nhà văn mượn nhân vật, thông qua cách thức đối thoại hoặc xây dựng tình huống, để phô bày tất cả sự am hiểu và nhận thức sâu sắc của mình về các lĩnh vực của đời sống*. Thuộc kiểu này, tiêu biểu là trường hợp các truyện trong tập *Vang bóng một thời*. Người đọc được biết đến một nghệ thuật uống đẹp qua *Những chiếc áo đất, Chén trà sương*; một nghệ thuật nhắm đẹp qua *Hương cuội*; một nghệ thuật chơi đẹp qua *Thả thơ, Đánh thơ, Đèn đêm thu*; lại được biết thêm về nghệ thuật ứng xử đẹp

qua *Ngôi mã cũ*; tài nghệ đẹp qua *Một đũa bắt đực chỉ*; hoa tay đẹp qua *Trên đỉnh non Tân*; nhân cách đẹp qua *Chữ người tử tù*... Nhưng cũng dễ dàng nhận thấy một điểm chung ở hầu hết những truyện ngắn này, đó là: *nhà văn đã dành phần lớn số trang vào việc miêu tả những sự việc đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật mà rất ít khi nói về tâm lí, tình cảm, hay những suy tư của nhân vật, và kèm theo đó là lối kết cấu khá tùy hứng, hệt như ở tùy bút*. Lối kết cấu ấy đương thời nhà văn Thạch Lam không nhận ra đã cảm thấy “lộn xộn” [5, tr.230], bởi cách viết không theo quy định, chuẩn mực của một truyện ngắn (xét ở thời điểm của Nguyễn Tuân). Dừng lại ở tác phẩm *Những chiếc ấm đất*, ta có thể thấy rõ đặc điểm này.

Những chiếc ấm đất nói về thú vui uống trà. Vì vậy, truyện không phải kể về cuộc đời cụ Sáu, mà đã đặc biệt dành nhiều trang để nói về *nghệ thuật thưởng trà*. Cụ Sáu pha trà phải lựa nước ở chùa Đồi Mai vì: “Nước rất ngọt (...), chỉ có nước giếng đây là pha trà không bao giờ lạc mất hương vị”. Sau đoạn tả cảnh về việc gánh nước và suy tưởng của nhà sư già về việc uống trà của cụ Sáu, *mạch văn đứt quãng đột ngột ở đó, tác giả lại chuyển sang cảnh tiếp khách trà*. Câu chuyện được kể lại từ vị khách thực chất là *nói đến nghệ thuật uống trà, qua hình ảnh một kẻ ăn mày rất sành sỏi*: “Hắn nói xong, dỡ cái bị ăn mày của hắn, cẩn thận lấy ra một cái ấm đất độc ả. (...) Hắn xin phép đầu đầy rồi ngồi bắt chân chữ ngũ, tráng ấm chén, chuyên trà từ chén tống sang chén quân...”, và tài nghệ đến

độ sau chén thứ nhì đã nhận ra: “Bình trà của ngài có lẫn mùi trâu ở trong. Cho nên bề dưới chưa được lấy gì làm khoái hoạt lắm”. Uống xong, hắn “tráng ấm chén, lau khay hoàn lại nhà chủ. Lau xong cái ấm độc ả của hắn, hắn thổi cái vòi ấm rất kĩ lưỡng cất vào bị...”. Đoạn văn kể về người ăn mày uống trà với tất cả trình tự, bằng những “từ ngữ được lựa chọn kĩ càng: thái độ nâng niu (cẩn thận), tư thế thoải mái (bắt chân chữ ngũ), cung cách từ tốn (tráng ấm chén, chuyên trà), thưởng thức bằng tất cả giác quan (uống trà ngài có lẫn mùi trâu), kết thúc nhẹ nhàng cẩn trọng (tráng ấm chén, lau khay, lau ấm, thổi vòi ấm rất kĩ lưỡng)” [3, tr.59]. Song chưa dừng lại ở đó, *để thưởng thức trà một cách hoàn hảo, còn phải biết lựa ấm và nấu nước*. Ấm uống trà thì “Thứ nhất Thế Đức gan gà; Thứ nhì Lưu Bội; Thứ ba Mạnh Thần”; còn nước sôi thì phải ở độ “ngư nhãn”, “giải nhãn”, tức: tắm nước to bằng cái mắt cua thì là sôi vừa, tắm nước sôi bằng mắt cá thì là sôi già. *Cuộc trò chuyện giữa cụ Sáu và vị khách là công việc hoàn tất của tác giả nói về nghệ thuật uống trà*. Một quy trình nhiều thao tác, đòi hỏi phải toàn tâm, toàn ý chứ không phải chỉ là một cử chỉ ăn uống đơn thuần.

Như vậy là, từ việc xây dựng nhân vật đến cách thức tổ chức kết cấu truyện đều không ngoài dụng ý: *nói lên tất cả sự am tường vấn đề của chính tác giả*. Và nếu tinh ý, người đọc còn có thể nhận ra, lối kiến tạo tác phẩm theo kiểu tùy bút tuy có làm cho *kết cấu nhiều truyện có vẻ không thống nhất*, bởi *cách mở đầu có khi xa lạ với chủ đề*, nhưng thực chất

chính cái xa lạ ấy lại góp phần làm nên ý tưởng mà tác giả muốn gửi gắm. Đèn đêm thu mở đầu bàn về thể sự xã hội đương thời chỉ làm tiền đề cho chiếc đèn xê rãnh đón Trung Thu; *Hương cuối* phần đầu nói về thái độ, tấm lòng của con người hướng đến Tết cổ truyền cũng nhằm bộc lộ tấm lòng của cụ Kép đối với hoa Lan... *Sự mạch lạc, như vậy, nằm ở bề sâu mạch cảm hứng chủ đạo của tác phẩm.* Cách dựng tình huống của Nguyễn Tuân cũng khá lí thú. Tác giả thường xuyên tạo những *sự việc bất ngờ*: người sành trà sẽ gặp người sành hơn (*Những chiếc ấm đất*), người giỏi phóng mai sẽ thấy người phóng mai giỏi hơn (*Một đám bác đắc chí*), người chơi thơ tài sẽ đụng độ với người chơi tài hơn (*Đánh thơ*)... *Cách trần thuật như vậy vừa làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, vừa giúp người đọc nhận ra được đỉnh điểm tuyệt mỹ của nghệ thuật.* Tài hoa của Nguyễn Tuân, còn là ở chỗ đó.

Đặc trưng tùy bút, như vậy, đã quán xuyên và chi phối toàn diện truyện ngắn của Nguyễn Tuân, từ giọng điệu, kết cấu tác phẩm đến nghệ thuật phô bày cái tôi nghệ sĩ của tác giả. Nhìn từ chiều tương tác này có thể thấy, dưới ảnh hưởng của tư duy tùy bút, thể truyện ngắn đến Nguyễn Tuân đã thật sự trở thành “*Thánh địa của cái Tôi*” (từ dùng của Trần Thanh Hà) mà nhìn vào đó, dù ở góc độ nào ta cũng thấy chỉ có duy nhất mỗi Nguyễn và riêng Nguyễn. Chất men tùy bút ảnh hưởng sâu sắc đến truyện ngắn Nguyễn Tuân, và đó cũng chính là “*chất Nguyễn*”, là cái “*tạng Nguyễn*” ẩn

tàng trong tác phẩm, đúng như có nhà nghiên cứu đã nhận xét [4, tr.35].

2.2. *Chất thơ trong truyện ngắn Nguyễn Tuân*

Truyện ngắn Nguyễn Tuân cũng có nhiều nét gần với thơ. Chất trữ tình, chất thơ trong các sáng tác của nhà văn ở thể tài này được tạo sinh bởi nhiều yếu tố. Không tìm vào nội tâm, cảm giác như Thạch Lam để cho ra đời những truyện ngắn chứa chan xúc cảm trữ tình, *cảm quan thơ, dư vị trữ tình trong truyện ngắn Nguyễn Tuân trước hết, lắng kết ở những phiến đoạn miêu tả thiên nhiên.* Nhà văn thường làm say lòng người đọc bởi những trang thơ đẹp về tạo vật, song thường không phải với những bối cảnh thiên nhiên rộng lớn, hoành tráng, mà *chủ yếu ở những cảnh vật bình thường.* Đó có thể là những hình ảnh quen thuộc, ta vẫn gặp ở mọi nơi: một khu vườn, một dòng sông, một con đường làng, một buổi sớm mai, một tiết thu muộn... nhưng điều quan trọng là, *giác quan nhạy cảm của nhà nghệ sĩ này đã phát hiện ra ở đó những ý nghĩa có chất thơ của đời sống.* Vì vậy, có khi chỉ là một cảnh chiều nắng thu hẹp trong không gian một khoảnh khắc thôi, nhưng vào trang viết của Nguyễn Tuân, cũng đã gọi lên được trong ta cả một bức tranh nên thơ về quê hương, đất nước, con người Việt Nam rất đời bình dị mà xinh đẹp: “Giàn bầu nậm ở ngoài sân, dây leo và lá chằng chịt lấp chật ô giàn nứa, đã làm dịu hẳn cái nắng tháng tư ở trước mặt nhà. Ánh nắng đổ xuống giàn, khi lọt xuống sàn bị cái cột xanh ngắt của cây lá lọt qua một lượt, rồi đổ dồn và vờn vào áo dài trắng cậu Chiêu đang ngừng

đầu ngắm những quả bầu nậm buồng thông xuống ngang mặt. Cái áo vải trắng cậu Chiêu đã biến thành một áo lụa màu xanh của một người phong lưu và đa tình. Đây là cái màu dịu mát của chất ngọc bích; đây là cái màu xanh ở những cánh đồng lúa non ngút ngàn của những xứ yên ổn không bao giờ có nạn binh lửa” (*Ngôi mã cũ*).

Nhà văn cũng thường *nhân hóa thiên nhiên, tạo nên thế bình đẳng giữa tự nhiên với con người*. Đặc biệt, bằng cách thường xuyên *đặt hình tượng nghệ thuật trong bối cảnh giao hòa với thiên nhiên*, Nguyễn Tuân đã *dựng lên được nhiều “ý cảnh thơ” (từ dùng của Lưu Thu Hương) đẹp trong các sáng tác*; qua đó, ta cũng thấy được một *cái nhìn rất nhân văn của nhà văn*: “Trong cái vườn cây nhỏ, trong đám cỏ cây xanh rờn, những buổi sớm tinh mơ và những buổi chiều tàn nắng, người ta thường thấy một ông già lông mày bạc, tóc bạc, râu bạc, mặc áo lông trắng, lom khom tia những lá úa trong đám lá xanh. Cụ Kép nguyện đem cái quang đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự lũ hoa thơm cỏ quý” (*Hương cuối*).

Song, không chỉ phát hiện ra nhiều vẻ đẹp, chất thơ ở đời thực, niềm say mê săn tìm cảm giác mới lạ còn đưa nhà nghệ sĩ này lạc vào *thế giới của điệu huyền*. Để rồi từ đó, Nguyễn Tuân lại đem đến cho độc giả cả một nguồn cảm hứng mới qua những trang lấp lánh chất thơ huyền bí. *Bút pháp kì ảo đã giúp nhà văn dựng thành công nhiều không gian thiên nhiên vừa tràn đầy nhạc tính, vừa giàu chất họa, chất thơ*. Đó là tiếng hát

của cô Dó trong *Xác Ngọc lam*, thanh âm của chồn non cao rùng rợn mà ở đó, ta cảm nhận được cả cái hoang vu, thê lương lẫn náo nức, rộn rã: “Điệu hát cô Dó mang máng như lối trong giáo phường đọc phú và nhiều khúc thì lại có cái âm luật xốc vác của thơ cổ phong năm chữ ngâm bằng giọng bi tráng khê nong của người hiệp khách gặp đường cùng. Đến một đoạn sau thì dài hơn, trong trẻo như pha lê và vui như tiếng thông reo giữa trời nổi gió. Có rờn rợn chẳng thì là cái đoạn chót của bài hát. Nó lơ lơ âm ế, ôi a như cái lối ma hời đưa võng ru con...”.

Với thiên nhiên là thế. Tất nhiên Nguyễn Tuân không quên *vẻ đẹp của con người, của những công trình do con người sáng tạo ra*. Cái thứ giấy Chu Hồ trong *Xác Ngọc Lam* là một công trình như thế. Chúng được nhà văn miêu tả không chỉ như một sản phẩm lao động, mà còn như một nghệ phẩm tài hoa. Đó là những tờ giấy “*nghiêng (...)* ra ánh sáng mà nhìn chất gió cát thì nó như làn da má trinh nữ phẳng đượm chất tuyết của lớp lông măng (...). Đưa lên mũi tờ giấy đượm hơi thơm của một thứ thảo mộc còn tươi sống”. Theo Phan Ngọc, “*Nguyễn Tuân là người đầu tiên nêu lên được cái đẹp ở khía cạnh kĩ thuật*”, đã “*mĩ hóa kĩ thuật*” [10, tr.202]. Cũng với cái nhìn ấy, hẳn độc giả còn nhớ nhà văn có lần đã tả hoa muối – sản phẩm của diêm dân – cũng “*đẹp như một sự tinh tiết của xúc cảm, như một sự thuần khiết của tâm hồn, như một sự trắng lành của màu vị*” (*Trang hoa*).

Xin được bàn thêm về vai trò của yếu tố kì ảo trong việc tạo nên chất thơ, chất trữ tình trong một số truyện ngắn của nhà văn này. Trở lên, ta đã thấy đặc tính kì ảo mang lại nhiều vẻ thơ lấp lánh cho các bức họa thiên nhiên của Nguyễn Tuân. Đến đây ta lại thấy, *sự hiện diện của yếu tố này còn góp phần gọi lên cả âm hưởng thơ chung cho toàn tác phẩm*. Có một chất thơ buồn ảo não như vậy phủ toàn truyện *Khoa thi cuối cùng*. Nhà văn dựng lại không gian khoa cử xưa, nhưng cảnh trường thi Nam Định đâu còn là chốn uy nghiêm đầy văn hóa để các sĩ tử thi tài. Trong cảnh âm u, âm dương không chia biệt ấy, trường thi đã trở thành pháp trường mà các âm hồn – các loại ma lành, ma báo oán – có chỗ ngồi danh dự, bởi được quan chủ tế mời vào trước:

“Báo oán giả tiên nhập;
Báo ân giả thứ nhập;
Sĩ tử thứ thứ nhập”
(Những hồn báo oán vào trước;
Những hồn báo ân vào sau;
Các thầy khóa vào sau rốt)

Và chính vì được mời vào trước, có quyền báo ân báo oán, nên hồn ma của “người đàn bà xoa tóc, ẵm con” đã phá bằng được bài thi của hai anh em ông Đầu Xứ, biến những sĩ tử thành kẻ hỏng thi. Tất cả hiện thực ảo hóa ấy được bút pháp huyền kì tái hiện đầy sức gọi. Ghê rợn có, mà cũng chạnh lòng người...

Đưa yếu tố kì ảo vào tác phẩm để từ đó tạo nên chất thơ hư huyền mang nhiều ý nghĩa nghệ thuật trong truyện ngắn, Nguyễn Tuân đã tìm về với một nét đặc trưng nghệ thuật của thi pháp truyền

thống phương Đông hay tiếp thu từ chủ nghĩa hiện thực huyền ảo phương Tây? Câu trả lời là: theo chúng tôi, *cả hai đều có khả năng, bởi Nguyễn Tuân còn là một nhà văn hóa lớn. Sáng tác của ông thể hiện rõ năng lực tầm cỡ ấy*. Tìm về một nét đẹp của giá trị truyền thống, và cũng là của nhân loại, Nguyễn Tuân đã thật sự làm một cuộc vượt thoát trong cách tân sáng tạo truyện ngắn, mà ý nghĩa của việc làm ấy mãi về sau này, ngày càng được nhiều thế hệ nhà văn ta kế thừa, phát huy.

Trở lại với vẻ đẹp của chất liệu và các biện pháp nghệ thuật làm nên chất thơ trong các đoạn thiên tự sự của nhà văn này. Thật thú vị! Ta có thể gặp trong truyện ngắn Nguyễn Tuân đầy *những liên tưởng, so sánh, hoán dụ, tượng trưng... giàu mẽ cảm hết như trong thơ* (hiện tượng này đã thấy ở tùy bút; có lẽ vì thế mà có người đã ngợi ca ông là “*nhà thơ bị đóng đinh trên cây thập giá của văn xuôi*” [7, tr.203]). Từ những ví von chính xác, mới lạ: “Ông thử roi vào mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống; thân roi uốn giữa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo” (*Đói roi*), đến những liên tưởng đầy bất ngờ, sáng tạo: “Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một âm thanh trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ” (*Chữ người tử tù*)... Các thủ pháp nhìn chung, đều có giá trị riêng, nhưng *ý nghĩa quan trọng nhất của những “phép thơ” ấy là: đã giúp nhà văn nói lên được những*

trạng thái đa sắc màu của cuộc sống, và những cung bậc cảm xúc đa dạng bên trong tâm hồn con người.

Truyện ngắn Nguyễn Tuân còn đặc biệt gần với thơ ở chỗ: mỗi sáng tác của ông như một ẩn dụ, một ẩn dụ kết đọng ý thơ gắn liền với những nghiệm sinh sâu sắc, những giá trị nhân sinh được nhà văn tổng kết, đúc rút lại gửi vào trang viết. Tác phẩm của ông, nhờ đó, không những đạt tính “kinh tế thể loại”, mà còn lắng kết nhiều ý nghĩa ở bề sâu. Chẳng hạn trong *Loạn âm*, vấn đề mà tác giả đặt ra là mối quan hệ giữa con người với con người trong gia ân – thụ ân. Ông Kinh Lịch và vị quan ôn họ Lương dưới cõi âm là bạn học cũ. Khi còn trên cõi dương gian, quan ôn họ Lương chính là anh khóa Lương, học trò của cụ Đắc – cha ông Kinh Lịch. Lúc còn nhỏ vẫn hay điếu đóm cho thầy, được thầy hết mực thương yêu như con đẻ. Nhưng chẳng may ra đi mà chưa làm rạng danh thầy. Nay cái ân tình ấy quan ôn họ Lương muốn đền đáp cho người bạn học, cũng là con trai của ân nhân dưỡng dục mình, nên đã tiết lộ danh sách nạn nhân bị bắt làm phu đình ở cõi âm, để ông Kinh Lịch cứu vớt họ hàng thân thích và những ai đã giúp đỡ mình. Ông Kinh Lịch đã một mực từ chối vì cho rằng đó là việc của giới, việc số mệnh, khiến quan ôn họ Lương thực sự giận dữ: “Thế thực huynh phụ bụng tôi nhiều quá. Lòng cố nhân ngay thẳng quá, điều đó thực là đáng quý. Nhưng từ sau phút này chia tay, lộn về dưới âm, bụng tôi không đành chút nào. Và như thế này tức là huynh không muốn cho tôi lui tới cửa nhà thầy nữa đây”. Biết khó mà

khước từ được, nhưng ông Kinh Lịch cũng chỉ xin cho mỗi tên tiểu bộc của mình, “cố nhân gia ân cho mà không nhận thì thật là lỗi với đạo bằng hữu”. *Chiều sâu ý vị của truyện là đề cao một lối sống đẹp, lối sống ân nghĩa có trước có sau. Tất cả được chuyển tải bằng một giọng trữ tình nhẹ nhàng mà lắng sâu vào lòng người đọc.* Giá trị nhân văn ấy cũng là một nét đẹp nhân bản muôn thuở của con người.

Tìm đến thể mạnh của thơ để kiến tạo nên những trang viết giàu hình ảnh, nhạc điệu, đầy ẩn tượng và gợi cảm, để tạo dựng nên những tác phẩm vừa đạt tính “kinh tế thể loại”, vừa lắng kết nhiều ý nghĩa ở bề sâu, là một nỗ lực lớn trong cách tân, sáng tạo truyện ngắn của Nguyễn Tuân. Trong số nhiều nhà văn sau này, ta thấy Nguyễn Minh Châu cũng tìm đến con đường ấy. Những truyện ngắn của ông cũng rất giàu chiều sâu triết lí, kết đọng qua các biểu tượng thiên nhiên, biểu tượng con người, với nhiều giá trị nhân bản sâu sắc. Nhưng vẫn cần phải ghi nhận rằng, từ những năm 30 của nửa đầu thế kỉ XX, có một nhà văn đã đi tiên phong trong việc ấy - đó là “nhà thơ lớn” - Nguyễn Tuân.

2.3. Yếu tố kí sự trong truyện ngắn Nguyễn Tuân

Bên cạnh chất thơ, chất tùy bút, truyện ngắn Nguyễn Tuân còn dung nạp vào chúng cả đặc trưng của thể kí sự. Cội nguồn của hiện tượng này có lẽ ít nhiều có liên quan đến câu chuyện nghề nghiệp, và đặc biệt là vấn đề ý thức trong sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Tuân. Cần nhớ ông từng là nhà báo, và ông cũng là

người hết sức đề cao nguyên tắc trọng sự thật trong sáng tạo văn học. Trong “*Chuyện nghề*”, nhà văn từng nhấn mạnh: nghệ thuật trước hết phải “phản ánh trung thực hiện thực”, vì “cái đáng quý trong nghệ thuật, chính ở chỗ nó không cho phép ta gian dối” [15, tr.566], nghệ thuật phải thực sự bao gồm được “cái hương bao la của tất cả những cái gì của cuộc đời” [12, tr.96].

Cũng cần nói rõ thêm, sự thâm nhập yếu tố kí sự trong truyện ngắn Nguyễn Tuân thực chất không là một hiện tượng phổ biến; các yếu tố này chỉ có mặt trong một bộ phận sáng tác của ông – các truyện viết về đề tài “*Vang bóng một thời*”. Tuy vậy, để có một cái nhìn toàn vẹn về diện mạo và giá trị của truyện ngắn Nguyễn Tuân từ góc nhìn tương tác thể loại, chúng tôi đặc biệt lưu tâm đến biểu hiện trên.

Một điểm nổi bật trong nhiều truyện ngắn viết về đề tài quá khứ của Nguyễn Tuân là sự hiện diện của *các yếu tố mang thông tin “người thật, việc thật”*. Độc giả có thể dễ dàng nhận ra biểu hiện này, trước hết là ở *lối kể*. Kiểu trần thuật *cụ thể, chính xác sự kiện – thời gian – địa điểm* theo kiểu kí sự xuất hiện phổ biến trong nhiều sáng tác. Lối kể này cũng đã có mặt trong *Vườn xuân lan tạ chủ* - tác phẩm truyện ngắn đầu tay của nhà văn: “... Năm Ất Dậu, đời vua Đồng Khánh, vùng Hoan Ái phải qua cơn binh lửa gây nên bởi loạn Văn Thân...”. Đáng lưu ý hơn, *kiểu trần thuật trên có khi còn xuất hiện ngay từ mở đầu truyện, gây nhiều sự chú ý ở người đọc*:

“Giữa quãng cuối đời vua Thành Thái và đầu đời Hoàng Tôn Tuyên hoàng đế, đất Thuận Hóa có ba người con gái đẹp và rất lãng lơ.

Bằng cái sắc, bằng tiếng ca, bằng cái tiêu xảo, bằng cái duyên lúc kín đáo, lúc lộ liễu, ba người đàn bà đẹp ấy đã thừa tô điểm cho xứ Huế một thời.

Cái thời ấy là thời của Nhà nước Bảo hộ tạm gọi là yên trong cuộc bình định...” (Đánh thơ)

Có thể nói, với lối trần thuật như vậy, *truyện ngắn Nguyễn Tuân ngay từ đầu đã khước từ người đọc cách hiểu thuần túy truyện kể là hư cấu*. Ông đã *buộc độc giả phải lưu ý đến thông tin sự việc như một phương cách duy nhất để bắt được vào mạch truyện*. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những gợi dẫn. Tính chất “*người thật, việc thật*” còn được gợi lên sinh động hơn qua *hệ thống nhân vật trong tác phẩm*. Cần nhớ, trước 1945, Nguyễn Tuân cơ bản là một nhà văn lãng mạn. Loạt truyện hướng về quá khứ “*một thời vang bóng*” là biểu hiện cụ thể của khuynh hướng sáng tác đó. Song, nhìn lại hệ thống nhân vật của ông ở mảng đề tài này, ta lại thấy có một điểm khác biệt. Đó là “*toàn những người những việc ông nghe kể lại. Có chuyện gần, có chuyện xa...*” [1, tr.238]. Trong truyện *Chữ người tử tù*, nguyên mẫu nhân vật Huân Cao ngoài đời không ai khác, chính là Cao Bá Quát, một danh sĩ đất Bắc Hà nổi tiếng về thư pháp với văn chương “*vô tiền Hán*”, và nhân cách thì “*Nhất sinh dê thủ bách mai hoa*”, ông cũng là người đã cầm đầu cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương khi đang giữ chức giáo

thụ phủ Quốc Oai (Tây Sơn). Còn cụ Hồ Viễn, nhân vật trong truyện *Ngôi mã cũ*, chính là hình ảnh tướng Lưu Vĩnh Phúc, chỉ huy đội quân cờ Đen mưu trí, dũng cảm đã khiến cho quân Pháp phải bao phen thất điên bát đảo. Lịch sử ghi nhận rằng: tại ô Cầu Giấy ngày 21 tháng 12 năm 1873, quân Cờ Đen đã đánh tan một đội quân đông 550 tên có đại bác yểm trợ, tổng chỉ huy Rivie cùng 5 sĩ quan và 28 tên lính bỏ xác tại Cầu Giấy. Viết về cặp tài tử vợ chồng Phó Sứ Lãng và cô Mộng Liên trong truyện *Đánh thơ*, nhà văn tuy có đổi chức thay tên, nhưng nhân vật Phó Sứ Lãng ấy “là một người hoàng phái Tôn Thất, biệt hiệu Tam Xuyên, có làm án sát tỉnh Thanh Hóa, sau về làm tả lý bộ Lễ, cuối cùng bị bãi chức, tước hết phẩm hàm rồi sống cuộc đời lang thang thơ rượu và cũng mất ở Quảng Bình, y như nhà văn kể” [1, tr.240]. Hoặc như trong truyện *Một đám bắt đấng chí*, khi đề cập những nhân vật có hành tung bí mật với những tuyệt chiêu sát thủ như “tài phóng con dao hai lưỡi đến mức tạo ra huyền sử” của Cai Xanh, ngón “bút chì” chuẩn xác của Lý Văn, Phó Kinh..., Nguyễn Tuân đã nói đến “có mấy lần, Cai Xanh hay bàn với những người thân tín về việc ông Thám ngoài Yên Thế” và họ là những người “nghèo, cực, khải”, chủ trương “lấy chỗ tiền bạc của bọn bắt nghĩa, đem chia cho anh em khác nghèo như mình”. Với những hình tượng nhân vật chân thực và những chi tiết có vẻ như tình cờ lướt qua ấy, Nguyễn Tuân đã gọi lên bóng dáng của một thời đại đầy biến động trong lịch sử nước ta – thời suy tàn thối nát

của triều đình nhà Nguyễn với những cuộc khởi nghĩa yêu nước xảy ra liên miên. Không khí một thời loạn li “trong buổi giao thời trắng đen không tỏ rõ” ấy còn được nhà văn nhắc đến trong *Bữa rượu máu*. Cây bút truyện ngắn Nguyễn Tuân lúc này đã trở thành một cây bút kí sự, tái hiện lại âm vang bi tráng về một thời kì lịch sử “khổ nhục nhưng vĩ đại” của dân tộc. Người ta sẽ còn nhớ mãi cảnh pháp trường đổ rọc trong ánh hoàng hôn sắp tắt của buổi xử tử mười hai tên phản nghịch đã tham gia cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, người ta càng không thể quên được hình ảnh tên quan Công sứ - một kẻ dã man muốn tận mắt chứng kiến cảnh xương tan máu chảy, và đặc biệt, qua chi tiết nói về cái tài chém đầu người một cách gọn ghẽ, không đến hai nhát của tên đao phủ Bát Lê, nếu tinh ý, người đọc sẽ nhận thấy Nguyễn Tuân đang nói đến những vụ hành hình đẫm máu của chế độ thuộc địa đương thời đối với những người yêu nước Việt Nam thế kỉ XX; xa hơn nữa, nhà văn nhắc cho người đọc nhớ lấy tội ác của những tên bán nước như Lê Hoan, Hoàng Cao Khải – tác giả của những sản phẩm “nghệ thuật” chém đầu man rợ và tàn bạo đó.

Song, hiện thực lịch sử được Nguyễn Tuân nhắc đến trong loạt truyện hướng về quá khứ không chỉ là thời kì diễn ra những xung đột, bạo động, mà còn là thời kì chuyển giao văn hóa, chuyển giao thế hệ. Người đọc dễ dàng nhận ra, “Vang bóng một thời” thực chất là viết về một đoạn quá khứ chưa xa lắm so với thời nhà văn đang sống. Truy nguyên về lịch sử, đó chính là thời điểm

thực dân Pháp đặt chân vào Đông Dương và nước ta đã trở thành thuộc địa của Pháp, cũng là thời điểm mà nhiều biến đổi sâu sắc, toàn diện đã diễn ra trên mảnh đất từ nghìn đời thuần nông này. Chuyển từ hình thái kinh tế phong kiến sang hình thái kinh tế tư bản, xã hội Việt Nam đồng thời có sự chuyển đổi đồng bộ trên nhiều lĩnh vực, nhiều phạm trù. Trước đây, trong xã hội phong kiến, nhân vật trung tâm của đời sống văn hóa là tầng lớp trí thức nho học, những con người mang khí tiết thanh cao, ôm ấp trong mình lí tưởng trí quân - trạch dân, hăm hở, nhiệt tình đem hết tài đức của mình để phò vua, giúp nước. Đến thời kì này, lịch sử đã đặt trọng trách lên vai của tầng lớp trí thức Tây học, bởi vậy, lớp nhà Nho bỗng trở nên bơ vơ, ngơ ngác; họ nhận thấy mình đã trở thành con người thừa trong xã hội và ôm mối mặc cảm của “những kẻ sinh nhầm thế kỉ”. *Bằng nhiều chi tiết tái hiện chân thực, loạt truyện hướng về quá khứ của Nguyễn Tuân đã dựng lên được những bức kí họa sinh động về chân dung các nhà nho Việt Nam sống trong buổi giao thời.* Ở đó, ta bắt gặp gia đình của cụ Ân đã đến kì sa sút, chị em cô Tú cậu Chiêu sống vất vưởng nuôi nhau, một viên tướng cờ đen thuở xưa oai phong lắm liệt giờ sống bằng nghề địa lí (*Ngôi mã cũ*); một cụ Thượng Nam Ninh đã thôi chức Tổng Đốc vùng xuôi để về trí sĩ (*Đèn đêm thu*); một ông Phủ già góa vợ chết con, cáo lão về hưu làm nghề thả thơ (*Thả thơ*); và còn có một cụ Âm với thú uống trà trong sương sớm, mỗi lúc uống xong lại bắt người trưởng nam “giở tập

cổ văn bình lại cả bài Trà ca của Lu Đông” (*Chén trà sương*); một “cụ Kép nguyên đem cái quăng đời xé chiều của mình để phụng sự lũ hoa thom cỏ quý, gọi là kiếm một công việc nhân nhả cho quăng chót một kiếp dư sinh” (*Hương cuối*)... Họ là những gì còn sót lại giữa thời đại mới, “lạc loài vào giữa phong hội mới để làm một người đại biểu xoàng xĩnh cho cái thế hệ đã sắp chấm dứt” [14, tr.137]. Có thể thấy, bao nhiêu nhân vật, bao nhiêu hình ảnh được nhắc đến, là bấy nhiêu dư ảnh của một thời tàn...

Ở truyện *Khoa thi cuối cùng* (còn có tên khác là *Báo oán*), nhà văn tuy có sử dụng bút pháp kì ảo để dựng lên một khung cảnh đậm màu sắc Liêu trai, thế nhưng *chất biên niên đã được gọi lên chính xác qua từng sự kiện được miêu tả trong tác phẩm.* Đó là kì thi được tổ chức tại trường thi Hà Nam, năm Mậu Ngọ (Duy Tân thập niên), khoa thi cuối cùng mà trong tâm thức của người đương thời ai cũng biết rõ:

“Ở vào buổi giao thời, nếu con người ta còn có cái lòng công danh thì khoa thi Mậu Ngọ là cơ hội cuối cùng. Từ Mậu Ngọ về sau, sẽ mở ra một thời khác, chữ Hán chỉ còn là thứ xa xỉ phẩm trong cõi học vấn của một lớp người. Từ sau cái khóa này, cái lều cái chõng chỉ còn là những vật cổ tích mỗi khi nhắc nhở tới lại gọi một chút nhớ tiếc trong lòng một đám người mệt mỏi còn sống thêm một ngày là càng chỉ thêm một ngày bờ ngõ với phong hội mới.”

Nhắc lại cụ thể, rành rọt không gian, thời gian, sự kiện như một nhà chép sử, Nguyễn Tuân đã cho người đọc thấy

được *cái thời của cả một thế hệ con người - thời của những nhà Nho, của chữ Hán, đang dần qua và cả một phong hội mới đang bắt đầu*. Thiên truyện do đó, tuy ngắn mà đầy sức nặng, bởi trong nó còn hàm chứa cả “*buổi bàn giao văn hóa mang tầm thế kỷ*” [6, tr.73].

Như vậy, tuy không là một hiện tượng phổ biến nhưng sự có mặt của yếu tố kí sự cũng đã chứng minh được sự tồn tại hữu lí của nó, khi giúp nhà văn thành công trong việc khơi lại âm vang về một thời kì lịch sử đã một đi không trở lại của dân tộc. Và, không phải là chất thơ hay chất tùy bút, mà chính các yếu tố này đã mở rộng trường phản ánh, làm nên tính chân thực cho nội dung miêu tả trong loạt truyện hướng về quá khứ của Nguyễn Tuân.

3. Kết luận

Là bộ phận văn xuôi đặc sắc nhất sau tùy bút, cũng là mảng sáng tác sớm nhất đã khẳng định tên tuổi, vị trí của nhà văn trên văn đàn, truyện ngắn Nguyễn Tuân, vì vậy, ngay từ buổi đầu đã thu hút nhiều sự quan tâm từ phía các nhà nghiên cứu. Từ góc nhìn tương tác, chúng tôi nhận thấy, *truyện ngắn Nguyễn Tuân là một chỉnh thể phức hợp* mà nhìn vào đó, ở phương diện nào ta cũng thấy có sự *tỏa sáng nghệ thuật*. Mở đường cho các yếu tố tùy bút “*cộng cư*”, Nguyễn Tuân đã biến truyện ngắn thành “*Thánh địa của*

cái tôi” mà ở đó, sự tài hoa, uyên bác của nhà văn được thể hiện rõ nhất, làm nên tính độc đáo lẫn sức hấp dẫn riêng ở từng tác phẩm. *Chất thơ* cũng đem lại nhiều giá trị thâm mĩ cho truyện ngắn Nguyễn Tuân. Với việc học tập cách tạo nên “*chất thơ của thơ*”, và đặc biệt là việc khai thác, phát huy tận độ vai trò của *yếu tố huyền kì*, Nguyễn Tuân đã tìm ra được một *con đường riêng* để tạo nên chất thơ trong truyện ngắn của mình mà không dẫm lên chân bất kì ai, cũng như không tự lặp lại mình. Điều đó càng cho thấy bản lĩnh và cá tính sáng tạo mạnh mẽ của nhà văn. *Chất kí sự* cũng góp phần quan trọng làm nên *sức nặng cho một bộ phận truyện ngắn của Nguyễn Tuân – các sáng tác viết về đề tài quá khứ*. Sự hiện diện của đặc tính “*người thật – việc thật*” trong truyện ngắn có lẽ cũng là câu trả lời thuyết phục nhất cho nghi vấn: “*Nguyễn Tuân trước 1945 thuần túy duy mĩ theo kiểu phương Tây?*”. Sự thật là, *tâm hồn ấy chưa bao giờ đóng kín với thế giới bên ngoài* trong suốt hành trình hướng đến cái *Mĩ – Chân – Thiện*. Đằng sau bức màn hiện thực ở từng truyện ngắn, ta vẫn thấy rõ trong đó, *một Nguyễn Tuân luôn khao khát tìm về với những giá trị truyền thống của văn hóa dân tộc, luôn thiết tha gắn bó với quê hương, đất nước, với cuộc sống con người Việt Nam*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Chính (1999), “Nguyễn Tuân và Vang bóng một thời”, *Nguyễn Tuân – về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.237-243.
2. Trương Chính (1999), “Vài nét về con người và tác phẩm Nguyễn Tuân”, *Nguyễn Tuân – về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.53-56.
3. Trần Thanh Hà (2007), *Tam diện tùy bút*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hồng Hà (2010), *Đặc trưng tùy bút Nguyễn Tuân*, Nxb Văn học, TPHCM.
5. Thạch Lam (1999), “Độc Vang bóng một thời”, *Nguyễn Tuân – về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.229-231.
6. Lê Thị Lan (2004), *Những nét đặc sắc của truyện ngắn lãng mạn Việt Nam 1932 – 1945*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế, Huế.
7. Mai Quốc Liên (1999), “Nguyễn Tuân – Bậc thầy của nghệ thuật ngôn từ Việt Nam”, *Nguyễn Tuân – về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.203-207.
8. Tôn Thảo Miên (2009), “Nguyễn Tuân – Vang bóng mọi thời”, *Nguyễn Tuân – tác phẩm chọn lọc*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.9-24.
9. Nam Mộc (1999), “Nguyễn Tuân và Sông Đà”, *Nguyễn Tuân – về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.284-303.
10. Phan Ngọc (2000), *Thử xét văn hóa - văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
11. Nguyễn Thành Thi (2010), *Văn học – Thế giới mở*, Nxb Trẻ, TPHCM.
12. Nguyễn Tuân (1999), *Nguyễn Tuân bàn về văn học nghệ thuật*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
13. Nguyễn Tuân (2000), *Nguyễn Tuân toàn tập*, tập I, Nxb Văn học, Hà Nội.
14. Nguyễn Tuân (2000), *Nguyễn Tuân toàn tập*, tập II, Nxb Văn học, Hà Nội.
15. Nguyễn Tuân (2000), *Nguyễn Tuân toàn tập*, tập V, Nxb Văn học, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-3-2016; ngày phản biện đánh giá: 03-5-2016;
ngày chấp nhận đăng: 27-8-2016)